

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HS-ST
Ngày 07-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Định.

2. Bà Lê Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2023/TLST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/HSST-QĐ, ngày 11/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/HSST-QĐ, ngày 26/5/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM THỊ TUYẾT A**, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1983, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký HKTT, chỗ ở: Tổ dân phố 14, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Phạm Minh Đ (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1958;

Anh, chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ hai;

Chồng: Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1980 (đã ly hôn).

Con: Có 01 người con sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang trong vụ án khác- Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. Chị **Nguyễn Như S**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường p, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

2. Chị **Trần Thị Bảo N**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

3. Bà **Đinh Thanh T**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường Hưng Thành, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang
- Vắng mặt.

4. Chị **Đặng Thị Phương T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/5/2022, PHẠM THỊ TUYẾT A, cư trú tại tổ dân phố 14, phường P, thành phố T sử dụng số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) cho 04 người trên địa bàn thành phố T vay tiền với mức lãi suất cao là 3.333 đồng/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 121,66%/năm, gấp 6,08 lần so với mức lãi suất cao nhất (*20%/ 01 năm*) quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, mục đích để thu lợi nhuận.

Hình thức cho vay “bát họ” người vay sẽ phải trả một khoản tiền gốc và tiền lãi cố định hằng ngày trong vòng 60 ngày. Khi chưa hết thời hạn 60 ngày, nếu người vay muốn vay tiếp thì phải tất toán toàn bộ khoản vay và trả tiền lãi đúng như 60 ngày đã thỏa thuận. Người vay tiền có thể viết giấy vay tiền với nội dung vay một khoản tiền cụ thể, không ghi lãi suất hoặc không phải viết giấy vay tiền. Việc thu lãi hằng ngày do Tuyết A trực tiếp thu của người vay hoặc người vay chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Tuyết A. Khi người vay trả hết số tiền gốc và lãi, Tuyết A hủy giấy vay tiền (nếu có) mà người vay đã viết.

Quá trình điều tra xác định PHẠM THỊ TUYẾT A cho những người sau vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, gồm:

1. Cho chị *Nguyễn Như S ở tổ dân phố 18, phường P, thành phố T* vay 07 lần:

Lần 1: Ngày 21/11/2019, Tuyết A cho S vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng. Từ ngày 21/11/2019 đến ngày 19/01/2020, S trả cho Tuyết A 60.000.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.643.836 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 8.356.164 đồng.

Lần 2: Ngày 21/01/2020, Tuyết A cho S vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.600.000 đồng. Từ ngày 21/01/2020 đến ngày 19/3/2020, S trả cho Tuyết A 96.000.000 đồng, gồm 80.000.000 tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.630.137 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng.

Lần 3: Ngày 21/3/2020, Tuyết A cho S vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.600.000 đồng. Từ ngày 21/3/2020 đến ngày 19/5/2020, S trả cho Tuyết A 96.000.000 đồng, gồm 80.000.000 tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.630.137 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng.

Lần 4: Ngày 21/5/2020, Tuyết A cho S vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.600.000 đồng. Từ ngày 21/5/2020 đến ngày 19/7/2020, S trả cho Tuyết A 96.000.000 đồng, gồm 80.000.000 tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.630.137 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng.

Lần 5: Ngày 21/7/2020, Tuyết A cho S vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.600.000 đồng. Từ ngày 21/7/2020 đến ngày 19/9/2020, S trả cho Tuyết A 96.000.000 đồng, gồm 80.000.000 tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.630.137 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng.

Lần 6: Ngày 21/9/2020, Tuyết A cho S vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.600.000 đồng. Từ ngày 21/9/2020 đến ngày 19/11/2020, S trả cho Tuyết A 96.000.000 đồng, gồm 80.000.000 tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.630.137 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng.

Lần 7: Ngày 21/11/2020, Tuyết A cho S vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.600.000 đồng. Từ ngày 21/11/2020 đến ngày 19/01/2021, theo thỏa thuận Sa phải trả cho Tuyết A 96.000.000 đồng, gồm 80.000.000 tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.630.137 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng. Sa đã trả 16.000.000 đồng tiền gốc, nợ lại 64.000.000 đồng tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, tổng số tiền PHẠM THỊ Tuyết A cho S vay là 530.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận Saphải trả cho Tuyết A là 106.000.000 đồng; trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 17.424.658 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 88.575.342 đồng (*Tám mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn hai đồng*). Sa đã trả 466.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000 đồng tiền lãi; còn nợ lại 64.000.000 đồng tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi.

2. Cho chị Trần Thị Bảo N ở tổ dân phố 04, phường P, thành phố T vay 07 lần:

Lần 1: Ngày 01/4/2020, Tuyết A cho N vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng. Từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/5/2020, N trả cho Tuyết A 30.000.000 đồng, gồm 25.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 4.178.082 đồng.

Lần 2: Ngày 01/6/2020, Tuyết A cho N vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng. Từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/7/2020, N trả cho Tuyết A 30.000.000 đồng, gồm 25.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 4.178.082 đồng.

Lần 3: Ngày 01/8/2020, Tuyết A cho N vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng. Từ ngày 01/8/2020 đến ngày 29/9/2020, N trả cho Tuyết A 60.000.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.643.836 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 8.356.164 đồng.

Lần 4: Ngày 01/10/2020, Tuyết A cho N vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng. Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 29/11/2020, N trả cho Tuyết A 60.000.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.643.836 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 8.356.164 đồng.

Lần 5: Ngày 01/12/2020, Tuyết A cho N vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng. Từ ngày 01/12/2020 đến ngày 29/01/2021, N trả cho Tuyết A 60.000.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng

tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.643.836 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 8.356.164 đồng.

Lần 6: Ngày 01/02/2021, Tuyết A cho N vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng. Từ ngày 01/02/2021 đến ngày 01/4/2021, N trả cho Tuyết A 60.000.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.643.836 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 8.356.164 đồng.

Lần 7: Ngày 01/4/2022, Tuyết A cho N vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng. Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/5/2022, N trả cho Tuyết A 18.000.000 đồng, gồm 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng.

Như vậy, tổng số tiền PHẠM THỊ Tuyết A cho N vay là 265.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận N phải trả cho Tuyết A là 53.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi hợp pháp là 8.712.329 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 44.287.671 đồng (*Bốn mươi bốn triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy một đồng*). Ngọc đã trả 265.000.000 đồng tiền gốc và 53.000.000 đồng tiền lãi.

3. Cho bà Đinh Thanh T ở tổ dân phố 09, phường Hưng Thành, thành phố T vay 08 lần:

Lần 1: Ngày 01/6/2020, Tuyết A cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/7/2020, T trả cho Tuyết A 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 2: Ngày 01/8/2020, Tuyết A cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Từ ngày 01/8/2020 đến ngày 29/9/2020, T trả cho Tuyết A 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 3: Ngày 01/10/2020, Tuyết A cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 29/11/2020, T trả cho Tuyết A 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 4: Ngày 01/12/2020, Tuyết A cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Từ ngày 01/12/2020 đến ngày 29/01/2021, T trả cho Tuyết A 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 5: Ngày 01/02/2021, Tuyết A cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Từ ngày 01/02/2021 đến ngày 01/4/2021, T trả cho Tuyết A 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 6: Ngày 01/4/2021, Tuyết A cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/5/2021, T trả cho Tuyết A 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 7: Ngày 01/6/2021, Tuyết A cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Từ ngày 01/6/2021 đến ngày 30/7/2021, T trả cho Tuyết A 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng.

Lần 8: Ngày 01/8/2021, Tuyết A cho T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Từ ngày 01/8/2021 đến ngày 29/9/2021, theo thỏa thuận T phải trả cho Tuyết A số tiền 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng. Thúy đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc, chưa trả 4.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, tổng số tiền PHẠM THỊ TUYẾT A cho T vay là 160.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận T phải trả cho Tuyết A là 32.000.000 đồng; trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 5.260.274 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 26.739.726 đồng (*Hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng*). Thúy đã trả 160.000.000 đồng tiền gốc và 28.000.000 đồng tiền lãi; chưa trả 4.000.000 đồng tiền lãi.

4. Cho chị Đặng Thị Phương T ở tổ dân phố 01, phường T, thành phố T vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 27/9/2020, Tuyết A cho T vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng. Từ ngày 27/9/2020 đến ngày 25/11/2020, T trả cho Tuyết A 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng.

Lần 2: Ngày 27/11/2020, Tuyết A cho T vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng. Từ ngày 27/11/2020 đến ngày 25/01/2021, theo thỏa thuận T phải trả cho Tuyết A số tiền 18.000.000 đồng, gồm 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi; trong đó tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng. Thảo đã trả 14.000.000 đồng tiền gốc; chưa trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi.

Tổng số tiền PHẠM THỊ TUYẾT A cho T vay là 25.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận T phải trả cho Tuyết A là 5.000.000 đồng; trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.178.082 đồng (*Bốn triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám hai đồng*). Thảo đã trả 24.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi; chưa trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi.

Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, kiểu máy Galaxy S22+, bên trong có gắn 01 thẻ sim có mã số 89840200011427199458, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Như S yêu cầu PHẠM THỊ TUYẾT A trả lại số tiền lãi thu trái với quy định của pháp luật

là 88.575.000 đồng. Bà Đinh Thanh T yêu cầu Tuyết A trả lại số tiền lãi thu trái với quy định của pháp luật là 26.739.000 đồng.

Chị Trần Thị Bảo N, chị Đặng Thị Phương T không yêu cầu, đề nghị gì phần về dân sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra yêu cầu PHẠM THỊ TUYẾT A nộp số tiền gốc sử dụng để cho vay, tiền lãi thu về, nhưng PHẠM THỊ TUYẾT A chưa nộp, nhưng sau đó do PHẠM THỊ TUYẾT A nhờ, nên ngày 05/4/2023 bà Đỗ Thị T là mẹ đẻ đã đại diện bị cáo nộp 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, để khắc phục hậu quả cho bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A.

Tại Cơ quan điều tra, PHẠM THỊ TUYẾT A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của PHẠM THỊ TUYẾT A còn được chứng minh bằng: sao kê tài khoản tại ngân hàng; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSTP, ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố PHẠM THỊ TUYẾT A về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A tiếp tục khai nhận hành vi cho người khác vay tiền với mức lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình với mục đích thu lời bất chính. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo là đúng tội, không oan.

Về trách nhiệm dân sự bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A có ý kiến: - Do bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, nên ngày 05/4/2023 bị cáo có nhờ mẹ đẻ là bà Đỗ Thị T đại diện bị cáo nộp 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, để khắc phục hậu quả cho bị cáo, nên bị cáo không đề nghị gì về số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Như S và bà Đinh Thanh T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá quy định thì bị cáo hoàn toàn nhất trí hoàn trả lại theo quy định của pháp luật. Đối với chị Trần Thị Bảo N và chị Đặng Thị Phương T không đề nghị bị cáo hoàn trả lại tiền lãi vượt quá quy định, nên bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Như S trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 170, 171, 174, 175): Do có nhu cầu vay tiền nên, từ ngày 21/11/2019, đến ngày 21/11/2020 tôi có vay 07 lần của PHẠM THỊ TUYẾT A tổng số tiền gốc là 530.000.000 đồng, với mức lãi là 3.333 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 121,66%/01 năm. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận tôi phải trả cho Tuyết A là 106.000.000 đồng; trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 17.424.658 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 88.575.342 đồng (Tám mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn hai đồng). Tôi đã trả cho Tuyết A 466.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000 đồng tiền lãi; tôi còn nợ lại Tuyết A 64.000.000 đồng tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi. Tôi yêu cầu PHẠM THỊ TUYẾT A trả lại tôi số tiền lãi thu trái với quy định của pháp luật là 88.575.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Bảo N trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án(Bút lục số 165, 166, 175 “1”,175 “2”): Do có nhu cầu vay tiền, nên từ ngày 01/4/2020, đến ngày 01/4/2022 tôi có vay 07 lần của PHẠM THỊ TUYẾT A tổng số tiền gốc là 265.000.000 đồng, với mức lãi là 3.333 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 121,66%/01 năm. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận tôi phải trả cho Tuyết A là 53.000.000 đồng; trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 8.712.329 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 44.287.671 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng). Tôi đã trả đủ Tuyết A 265.000.000 đồng tiền gốc và 53.000.000 đồng tiền lãi. Tôi không đề nghị PHẠM THỊ TUYẾT A hoàn trả lại tôi tiền lãi vượt quá quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thanh T trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án(Bút lục số 172, 173, 176, 177): Từ ngày 01/6/2020, đến ngày 01/8/2021 tôi có vay 08 lần của PHẠM THỊ TUYẾT A tổng số tiền gốc là 160.000.000 đồng, với mức lãi là 3.333 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 121,66%/01 năm. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận tôi phải trả cho Tuyết A là 32.000.000 đồng; trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 5.260.274 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 26.739.726 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng). Tôi đã trả Tuyết A 160.000.000 đồng tiền gốc và 28.000.000 đồng tiền lãi; tôi chưa trả 4.000.000 đồng tiền lãi. Tôi yêu cầu PHẠM THỊ TUYẾT A trả lại tôi số tiền lãi thu trái với quy định của pháp luật là 26.739.726 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị Phương T trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án(Bút lục số 168, 168, 169): Từ ngày 02/9/2020, đến ngày 27/11/2020 tôi có vay 02 lần của PHẠM THỊ TUYẾT A tổng số tiền gốc là 25.000.000 đồng, với mức lãi là 3.333 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 121,66%/01 năm. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận tôi phải trả cho Tuyết A là 5.000.000 đồng; trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 4.178.082 đồng (Bốn triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám hai đồng). Tôi đã trả Tuyết A 24.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi; tôi chưa trả Tuyết A 1.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi. Tôi không đề nghị PHẠM THỊ TUYẾT A hoàn trả lại tôi tiền lãi vượt quá quy định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*.

- Xử phạt: Bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A từ 07 (Bảy) tháng tù đến 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Phạt bổ sung đối với bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 357; 579; 580 của Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Nguyễn Như S số tiền thu lời bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là 75.205.479 đồng.

+ Buộc bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A có trách nhiệm hoàn lại cho bà Đinh Thanh T số tiền thu lời bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là 23.397.260 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bảo N, chị Đặng Thị Phương T không yêu cầu, đề nghị gì về dân sự, nên không xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền gồm:

+ Khoản tiền gốc bị cáo dùng để cho vay đã thu nợ được từ người vay là 135.000.000 đồng.

+ Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của người vay là 28.438.256 đồng.

Hai khoản tiền trên được trừ vào số tiền 30.000.000 đồng mà bà Đỗ Thị T (mẹ đẻ của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A) đã nộp thay cho bị cáo tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ngày 05/4/2023. Tiếp tục truy thu của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A số tiền còn thiếu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, kiểu máy Galaxy S22+, bên trong có gắn 01 thẻ sim có mã số 89840200011427199458, đã qua sử dụng (do không liên quan đến hành vi phạm tội), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Như S số tiền 64.000.000 đồng; Đặng Thị Phương T số tiền 1.000.000 đồng, là tiền gốc đã vay của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A nhưng chưa trả.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo nói lời cuối cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên

toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/5/2022, tại địa bàn thành phố T, PHẠM THỊ TUYẾT A, cư trú tại tổ dân phố 14, phường P, thành phố T cho chị Nguyễn Như S, cư trú tại tổ dân phố 18, phường P, thành phố T; chị Trần Thị Bảo N, cư trú tại tổ dân phố 04, phường P, thành phố T; bà Đinh Thanh T, cư trú tại tổ dân phố 09, phường Hưng Thành, thành phố T và chị Đặng Thị Phương T, cư trú tại tổ dân phố 01, phường T, thành phố T vay tiền với lãi suất cao gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (*mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm*), tương ứng với mức lãi suất 121,66%/01 năm, cụ thể là 3.333 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; PHẠM THỊ TUYẾT A đã sử dụng 200.000.000 đồng tiền gốc ban đầu quay vòng để cho những người trên vay với tổng số tiền cho vay là 980.000.000 đồng (*Chín trăm tám mươi triệu đồng*); tổng số tiền lãi là 196.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi hợp pháp là 32.219.178 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 163.780.822 đồng (chưa thu được 65.000.000 đồng tiền gốc và 23.000.000 đồng tiền lãi). Tổng số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* của PHẠM THỊ TUYẾT A là 163.780.822 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai hai đồng*). Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố PHẠM THỊ TUYẾT A về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Tnốp 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang nhằm khắc phục hậu quả, nên bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra ông Phạm Minh Đức bố đẻ của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A là thương binh, nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A.

[4] Về vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A một mình thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình đã gây ra.

[5] Mức án xử phạt: Xét thấy bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do vậy xử phạt bị cáo mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A phạm tội vì mục đích thu lợi nhuận cho bản thân, nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lời bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 163.780.822 đồng do thu lãi vượt quá quy định, nhưng do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Bảo N và chị Đặng Thị Phương T không đề nghị bị cáo hoàn trả lại số tiền lãi vượt quá quy định, nên không xem xét giải quyết. Do vậy, buộc bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A có trách nhiệm hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Như S số tiền thu lời bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là 75.205.479 đồng; có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Đinh Thanh T số tiền thu lời bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là 23.397.260 đồng.

Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, nếu bị cáo chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự.

[8] Về biện pháp tư pháp: - Xét thấy bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A đã sử dụng 200.000.000 đồng tiền gốc ban đầu quay vòng để cho những người vay và đã thu nợ được từ những người vay là 135.000.000 đồng; bị cáo đã thu tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà thực tế bị cáo đã thu của những người vay là 28.438.256 đồng đến nay bị cáo chưa giao nộp khoản tiền này cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên truy thu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Hai khoản tiền này được trừ vào số tiền 30.000.000 đồng mà bà Đỗ Thị T (mẹ đẻ của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A) đã nộp thay cho bị cáo tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, ngày 05/4/2023. Tiếp tục truy thu của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A số tiền còn thiếu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Như S, Đặng Thị Phương T đã vay lãi nặng của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A với mức lãi suất cao gấp 6,08 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/ 01 năm) quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nhưng chị Sa chưa trả lại cho bị cáo 64.000.000 đồng tiền gốc; chị Thảo chưa trả lại cho bị cáo 1.000.000 đồng tiền gốc, xét thấy đây là tiền dùng vào việc phạm tội, nên truy thu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, kiểu máy Galaxy S22+, bên trong có gắn 01 thẻ sim có mã số 89840200011427199458, đã qua sử dụng, xét thấy chiếc điện thoại và thẻ sim này là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

Bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

* *Tuyên bố*: Bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*.

* *Xử phạt*: Bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A 07 (Bảy) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357; 579; 580 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Nguyễn Như S số tiền là 75.205.479 đồng (Bảy mươi lăm triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy chín đồng).

- Buộc bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Đinh Thanh T số tiền là 23.397.260 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A số tiền gốc ban đầu đã thu nợ được từ những người vay là 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A số tiền lãi suất cao mà thực tế bị cáo đã thu từ những người vay là 28.438.256 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm sáu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng hai khoản tiền truy thu trên là 163.438.256 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm sáu đồng), nhưng được trừ vào số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) mà bà Đỗ Thị T (mẹ đẻ của bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A) đã nộp cho bị cáo theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000237, ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Tiếp tục truy thu của bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A số tiền còn thiếu là 133.438.256 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm sáu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo **PHẠM THỊ TUYẾT** A 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, kiểu máy Galaxy S22+, bên trong có gắn 01 thẻ sim có mã số 89840200011427199458, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án dân sự (tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, lập ngày 26/5/2023).

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Như S số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi tư triệu đồng); chị Đặng Thị Phương T số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là tiền gốc đã vay của bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A nhưng chưa trả.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo PHẠM THỊ TUYẾT A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Như S, chị Trần Thị Bảo N, bà Đinh Thanh Thuý và chị Đặng Thị Phương T được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Công an TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn